**TÊN ĐƠN VỊ:**

**NỘI DUNG BÁO CÁO**

**CÁC HOẠT ĐỘNG KH&CN NỔI BẬT CỦA ĐƠN VỊ**

**TRONG NĂM HỌC 2020-2021**

# I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐƠN VỊ NĂM 2020-2021

# 

# II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2020-2021

[Hướng dẫn:

\_ Các đơn vị cần phân tích & đánh giá các kết quả KH&CN nổi bật trong năm 2020-2021 theo đặc thù của mình có kèm hình ảnh/sô liệu minh họa]

## **2.1. Tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về quản lý KH&CN và Đổi mới sáng tạo (ĐMST) của đơn vị**

2.1.1. Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập

2.1.2. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN

2.1.3. Thông tư số 90/2017/TT- BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN công lập

2.1.4. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

## **2.2. Các kết quả nổi bật về hoạt động KH&CN và ĐMST của đơn vị**

## 2.2.1. Đề tài/dự án KH&CN các cấp (tập trung vào các sản phẩm KH&CN nổi bật có giá trị về mặt khoa học/đã chuyển giao hoặc có khả năng chuyển giao công nghệ/đóng góp tư vấn, phản biện xã hội, chính sách,...)

2.2.2. Công bố khoa học

2.2.3. Sở hữu trí tuệ

2.2.4. Chuyển giao công nghệ

2.2.5. Doanh nghiệp KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST

2.2.6. Hợp tác KH&CN (với địa phương, doanh nghiệp, tổ chức KH&CN trong và ngoài nước)

2.2.7. Hội nghị/Hội thảo về KH&CN

2.2.8. Sinh viên NCKH

2.2.9. Giải thưởng KH&CN

2.2.10. Các hoạt động KH&CN khác

## **2.3. Tình hình sử dụng kinh phí KH&CN năm 2020 – 2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn kinh phí** | **Kinh phí năm 2020 *(tr.đồng)*** | | |
| **Được cấp** | **Quyết toán** | **Tỷ lệ**  **quyết toán** |
| **1. Từ NSNN** |  |  |  |
| *Các nhiệm vụ KH&CN* |  |  |  |
| *Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng* |  |  |  |
| *Dự án tăng cường năng lực & đầu tư chiều sâu* |  |  |  |
| *Chi khác liên quan đến KH&CN* |  |  |  |
| **2. Từ huy động** |  |  |  |
| *Đề tài, dự án cấp quốc gia, Nafosted* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án hợp tác quốc tế* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án cấp tỉnh/ thành phố* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án hợp tác doanh nghiệp* |  |  |  |
| **3. Từ nguồn đối ứng** |  |  |  |
| **Tổng (1+2+3)** |  |  |  |

### 2.3.1. Tình hình sử dụng kinh phí KH&CN được cấp từ ĐHQG-HCM

**[Hướng dẫn:** Đánh giá tình hình giải ngân, thanh toán, quyết toán, thủ tục hành chính về: chi nhiệm vụ KH&CN, chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, chi dự án tăng cường năng lực và đầu tư chiều sâu, chi khác liên quan đến KH&CN]

### 2.3.2. Đánh giá tình hình huy động và sử dụng kinh phí từ các nguồn khác

[**Hướng dẫn**: kinh phí đối ứng từ đơn vị, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn khác (từ doanh nghiệp và các chương trình hợp tác quốc tế...]

# III. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

**[Hướng dẫn:**

\_ Tóm tắt những kết quả nổi bật.

\_ Những tồn tại và giải pháp.

\_ Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH&CN trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.]